

Số: 288 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 08 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
sử dụng nguồn ngân sách trung ương trên địa bàn
tỉnh Yên Bái năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ
doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số
80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa
phương năm 2023.*

*Căn cứ Văn bản số 274/BKHĐT-PTDN ngày 12 tháng 01 năm 2023 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và
vừa sử dụng nguồn ngân sách trung ương năm 2023;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 08/TTr-KHĐT
ngày 14 tháng 3 năm 2023,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là DNNVV)
trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2023 sử dụng nguồn ngân sách Trung ương, nội dung
như sau:

1. Phạm vi, đối tượng hỗ trợ

a) Phạm vi

- Hỗ trợ công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo.
- Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.
- Hỗ trợ tham gia cụm liên kết, chuỗi giá trị (*Chuỗi giá trị nông nghiệp, chế biến nông sản*).

b) Đối tượng

- Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và đáp ứng các quy định về tiêu chí xác định DNNVV tại Chương II Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV.

2. Tổng mức hỗ trợ: 1.500 triệu đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

3. Nguồn vốn: Nguồn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 09/12/2022.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

5. Nội dung hỗ trợ: Phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý chung của cơ quan đầu mối theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Sử dụng, quyết toán chi phí quản lý chung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ DNNVV của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV của các cơ quan liên quan. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV theo quy định.

- Tuyên truyền, phổ biến về nội dung hỗ trợ DNNVV; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV.

2. Sở Tài chính

- Bảo đảm kinh phí thực hiện hỗ trợ; thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ DNNVV, chi phí quản lý chung, chi phí quản lý trực tiếp; hướng dẫn cơ quan hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ DNNVV và quyết toán kinh phí hỗ trợ DNNVV, chi phí quản lý trực tiếp; hướng dẫn cơ quan đầu mối quyết toán chi phí quản lý chung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn cơ

chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ DNNVV của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến về nội dung hỗ trợ DNNVV; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV.

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05/12/2023 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện hỗ trợ DNNVV và quyết toán kinh phí hỗ trợ DNNVV; sử dụng, quyết toán chi phí quản lý trực tiếp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ DNNVV của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến về nội dung hỗ trợ DNNVV; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05/12/2023 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan


- Tuyên truyền, phổ biến về nội dung hỗ trợ DNNVV; phối hợp với các cơ quan liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05/12/2023 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TKTH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hạnh Phúc

Phụ lục:**NỘI DUNG HỖ TRỢ DNNVV TỈNH YÊN BÁI NĂM 2023 TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

| Stt | Nhiệm vụ | Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng) | Số lượng hỗ trợ (Dự kiến) | Căn cứ thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp |
|----------|---|------------------------------|---------------------------|--|--------------------------|--|
| | TỔNG KINH PHÍ | 1.500 | | | | |
| I | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ | 500 | | | | |
| 1 | Hỗ trợ công nghệ và hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo | 500 | | | | |
| 1.1 | Hỗ trợ công nghệ và hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo | 465 | 13 DNNVV | | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan |
| a | Hỗ trợ công nghệ: | | | | | |
| | - Hỗ trợ hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh. | | | | | |
| | - Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh. | | | | | |
| | | | | Điều 11 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Điều 7 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHTT. | | |

| Stt | Nhiệm vụ | Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng) | Số lượng hỗ trợ (Dự kiến) | Căn cứ thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp |
|-----|--|------------------------------|---------------------------|--|--------------------------|------------------|
| b | Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: | | | | | |
| | - Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước. | | | Điều 20, 21, 22 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Điều 14, 15 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHTT | | |
| | - Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu. | | | | | |
| | - Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước. | | | | | |
| | - Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn để DNNVV xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở. | | | | | |
| | - Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường. | | | | | |
| 1.2 | Kinh phí quản lý trực tiếp của cơ quan hỗ trợ DNNVV | 25 | | | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 1.3 | Kinh phí quản lý chung của cơ quan đầu mối | 10 | | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |

| Stt | Nhiệm vụ | Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng) | Số lượng hỗ trợ (Dự kiến) | Căn cứ thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp |
|-----|--|------------------------------|---------------------------|--|------------------------------------|--|
| II | Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo | 200 | | | | |
| 1 | Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV | 200 | | | | |
| 1.1 | Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV | 186 | 12 DNNVV | | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan |
| a | Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. | | | | | |
| b | Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến. | | | | | |
| | | | | - Điều 14 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Điều 11, 12, 13 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHTT | | |
| 1.2 | Kinh phí quản lý trực tiếp của cơ quan hỗ trợ DNNVV | 10 | | | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | |
| 1.3 | Kinh phí quản lý chung của cơ quan đầu mối | 4 | | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |

| Stt | Nhiệm vụ | Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng) | Số lượng hỗ trợ (Dự kiến) | Căn cứ thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp |
|-----|---|------------------------------|---------------------------|--|--|--|
| III | Chi các hoạt động kinh tế | 800 | | | | |
| I | Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết, chuỗi giá trị (Chuỗi giá trị nông nghiệp, chế biến nông sản) | 800 | | | | |
| 1.1 | Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết, chuỗi giá trị (Chuỗi giá trị nông nghiệp, chế biến nông sản) | 744 | 20 DNNVV | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan |
| a | Hỗ trợ chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại DNNVV. | | | | | |
| b | Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị. | | | | | |
| c | Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. | | | | | |
| d | Hỗ trợ chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. | | | | | |
| | | | | - Điều 23, 24, 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Điều 16, 17, 18 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHTT | | |
| 1.2 | Kinh phí quản lý trực tiếp của cơ quan hỗ trợ DNNVV | 40 | | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 1.3 | Kinh phí quản lý chung của cơ quan đầu mối | 16 | | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |

*** Ghi chú:**

- Kinh phí quản lý trực tiếp của cơ quan hỗ trợ DNNVV (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) bằng 5% tổng kinh phí; kinh phí quản lý chung của cơ quan đầu mối (Sở Kế hoạch và Đầu tư) bằng 2% tổng kinh phí theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHTT.

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Thông tư số 06/2022/TT-BKHTT.